

GIẢI THÍCH PHẨM BẢY MƯƠI TÁM: BỐN NHIẾP

KINH: Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu các pháp như mộng, như tiếng vang, như ảnh, như sóng nắng, như huyễn, như hóa, không có thật sự, không có tính sở hữu, tự tướng không, thì làm sao phân biệt ấy là pháp lành, là pháp chẳng lành, là pháp thế gian, là pháp xuất thế gian, là pháp hữu lậu, là pháp vô lậu, là pháp hữu vi, là pháp vô vi, là pháp có thể được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, là pháp có thể được đạo Bích-chi Phật, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Người phạm phu ngu si mộng, thì thấy có người mộng, cho đến hóa, thấy có người hóa mà khởi lên nghiệp thân, miệng, ý, thiện, bất thiện, vô ký; khởi lên phước nghiệp, tội nghiệp, bất động nghiệp. Bồ-tát ấy hành Bát-nhã Ba-la-mật trú trong hai không là rốt ráo không và vô tử không, vì chúng sinh thuyết pháp rằng: Nay các chúng sinh! Sắc ấy không, không có sở hữu; thọ, tưởng, hành, thức ấy không, không có sở hữu; mười hai nhập, mười tám giới là mộng. Sắc là tiếng vang, là ảnh, là sóng nắng, là huyễn, là hóa; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Mười hai nhập, mười tám giới là mộng, là tiếng vang, là ảnh, là sóng nắng, là huyễn, là hóa; trong ấy không có năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, không có mộng, cũng không có người thấy mộng, không tiếng vang, cũng không có người nghe tiếng vang; không có ảnh, cũng không có người thấy ảnh; không có sóng nắng, cũng không có người thấy sóng nắng; không có huyễn, cũng không có người thấy huyễn; không có hóa, cũng không có người thấy hóa. Hết thấy pháp là không có cội gốc, thật tính Không có sở hữu. Các người ở trong chỗ không có năm uẩn thấy năm uẩn, không có mười hai nhập thấy mười hai nhập, không có mười tám giới thấy mười tám giới; các pháp ấy đều do nhân duyên hòa hợp sinh, vì khởi tâm điên đảo, nó thuộc quả báo của nghiệp, các người cố gì đối với các pháp không, không có cội gốc mà chấp thủ tướng cội gốc? Khi ấy Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật dùng sức phương tiện đối với sự xan tham, kéo chúng sinh ra khỏi bằng cách dạy họ hành bố thí Ba-la-mật, do công đức bố thí ấy được quả báo lớn; từ phước báo lớn được ra khỏi, rồi dạy họ khiến trì giới, do công đức trì giới được sinh cõi trời tôn quý; lại kéo ra khỏi khiến trú vào Sơ thiên, do công đức Sơ thiên được sinh cõi Phạm thiên; Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên, Vô biên không xứ, Vô biên thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi-hữu-tướng Phi-vô-tướng xứ cũng như vậy. Đối với chúng sinh hành bố thí và quả báo bố thí ấy, trì giới và quả báo trì giới ấy, thiền định, và quả báo thiền định ấy dùng mỗi mỗi nhân duyên kéo ra khỏi mà an trí nơi Vô dư Niết-bàn và ở trong đạo Niết-bàn, đó là bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực,

bảy giác phần, tám phần thánh đạo, Không, Vô tướng, Vô tác, giải thoát môn, tám bội xả, định chín thứ lớp, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, mà an ổn chúng sinh, khiến ở vào thánh pháp vô lậu, vô sắc, vô hình, vô đối. Thấy người có thể được quả Tu-đà-hoàn cho đến đạo Bích-chi Phật thì khiến an trú quả Tu-đà-hoàn cho đến đạo Bích-chi Phật; thấy người có thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì an ổn giáo hóa khiến trú trong Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Các Bồ-tát rất hiếm có, khó sánh kịp, các vị ấy có thể hành Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa, đối với các pháp không có tính sở hữu, rốt ráo không, vô thủ không, mà phân biệt các pháp là thiện, là bất thiện, là hữu lậu, là vô lậu cho đến là hữu vi, là vô vi.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy! Các Bồ-tát rất hiếm có, khó bì kịp, các vị ấy có thể hành Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa, đối với các pháp không có tính sở hữu, rốt ráo không, vô thủ không mà phân biệt các pháp. Nay Tu-bồ-đề! Các ông nếu biết pháp hiếm có, khó bì của Bồ-tát ấy, thì biết hết thấy Thanh-văn, Bích-chi Phật còn không thể có được, huống gì người khác!

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Những gì là pháp hiếm có, khó bì kịp của Bồ-tát? Các Thanh-văn, Bích-chi Phật không có được?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Phải nhất tâm lắng nghe. Có Bồ-tát hành Ba-la-mật, trú trong sáu Ba-la-mật do quả báo mà được và trú trong năm thân thông do quả báo mà được, ba mươi bảy pháp trợ đạo; trú trong các Đà-la-ni, các trí không ngại, đi đến mười phương thế giới; đối với người có thể do bố thí nhiếp độ, thì dùng bố thí nhiếp độ; đối với người có thể do trì giới nhiếp độ, thì lấy trì giới nhiếp độ; đối với người do nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, thì tùy sự thích ứng mà nhiếp độ; đối với người có thể do Sơ thiền nhiếp độ, thì lấy Sơ thiền nhiếp độ; đối với người có thể do Nhị thiền, Tam thiền, cho đến Phi-hữu-tướng Phi-vô-tướng xứ nhiếp độ, thì tùy theo chỗ thích ứng mà nhiếp độ; đối với người có thể do tâm từ, bi, hỷ, xả nhiếp độ, thì lấy tâm từ, bi, hỷ, xả nhiếp độ; đối với người có thể do bốn niệm xứ, cho đến tám phần thánh đạo, do tam-muội Không, Vô tướng, Vô tác nhiếp độ, thì tùy chỗ thích ứng mà nhiếp độ.

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát lấy bố thí lợi ích chúng sinh?

Nay Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, bố thí tùy theo chỗ cần dùng hoặc ăn uống, y phục, xe ngựa, hương hoa, anh lạc đều cấp thí cho, như cúng dường Phật, Bích-chi Phật, A-la-hán, A-na-hàm, Tư-đà-hàm, Tu-đà-hoàn ngang nhau không khác. hoặc thí cho người tu tám phần thánh đạo và người phàm, cho đến cầm thú đều không có phân

biệt, bình đẳng mà bố thí. Vì sao? Vì hết thấy pháp là không khác, không phân biệt. Bồ-tát ấy bố thí không khác, không phân biệt rồi sẽ được quả báo không có phân biệt, đó là trí Nhất thiết chủng. Nay Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát thấy người hành khát hoặc sinh tâm như vậy: “Phật là ruộng phước, ta nên cúng dường; cầm thú chẳng phải phước điền, không nên cúng dường”, thì như vậy chẳng phải pháp Bồ-tát. Vì sao? Vì Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không nghĩ rằng đối với chúng sinh này nên bố thí làm lợi ích, đối với chúng sinh kia không nên bố thí, vì bố thí cho chúng sinh ấy nên được sinh dòng lớn Sát lợi, dòng lớn Bà-la-môn, đại gia cư sĩ, cho đến do nhân duyên bố thí ấy lấy pháp ba thừa độ cho khiến vào Vô dư Niết-bàn. Nếu chúng sinh đi theo Bồ-tát xin, cũng không sinh tâm phân biệt sai khác: Nên cho hay không nên cho. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy là vì chúng sinh nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nếu phân biệt lựa chọn thì rơi vào chỗ bị quả trách của chư Phật, Bồ-tát, Bích-chi Phật, học nhân, vô học nhân và trời, người rằng: Ai cầu ông phát tâm cứu chúng sinh, làm nhà cho chúng sinh, là chỗ thủ hộ cho chúng sinh, làm chỗ nương cho chúng sinh, mà ông phân biệt, lựa chọn nên cho hay không nên cho? Lại, nếu Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, hoặc người, chẳng phải người đi đến muốn xin Bồ-tát thân thể, tay chân, thì khi ấy không nên sinh hai tâm là hoặc cho hoặc không cho. Vì sao? Vì Bồ-tát đã vì chúng sinh nên thọ thân, nay chúng sinh đi đến xin lấy, sao có thể không cho? Ta vì lợi ích chúng sinh nên thọ thân này, chúng sinh không xin, tự mình nên đem cho, hướng gì chúng sinh đến xin mà không cho! Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật nên học như vậy.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát thấy người đến xin nên nghĩ rằng: Trong đây ai cho, ai nhận, cho vật gì? Vì hết thấy pháp là tự tính đều không thể có được, đều rốt ráo không. Pháp không tướng không có cho, không có cướp đoạt. Vì sao? Vì rốt ráo không, nội không, ngoại không, nội ngoại không, đại không, đệ nhất nghĩa không, tự tướng không. Trú trong rốt ráo không ấy mà bố thí, thì khi ấy đầy đủ Thí Ba-la-mật. Đầy đủ Thí Ba-la-mật, nếu khi bị dứt pháp bên trong thân, pháp bên ngoài thân, liền nghĩ rằng: Cắt ta là ai? Xẻ ta là ai?

Lại nữa, Ta dùng mắt Phật thấy các Bồ-tát ở phương Đông nhiều như cát sông Hằng, vào địa ngục lớn để làm tắt lửa, làm nước sôi nguội; dùng ba việc giáo hóa: Một là thân tức thông, hai là tha tâm thông, ba là thuyết pháp. Bồ-tát do sức thân thông làm cho lửa địa ngục lớn tắt, nước sôi nguội; do tha tâm thông đem tâm từ, bi, hỉ, xả tùy ý thuyết pháp. Chúng sinh ấy đối với Bồ-tát sinh tâm thanh tịnh, nên từ địa ngục được thoát khỏi, dần dần lấy pháp ba thừa dứt hết khổ não. Phương Nam, Tây, Bắc, bốn góc, trên, dưới cũng như vậy.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ta dùng mắt Phật xem mười phương thế giới thấy các Bồ-tát trong quốc độ nhiều như cát sông Hằng, làm thị giả cho

chư Phật, cúng dường chư Phật, tùy ý hoan hỷ, cúng kính; nếu chư Phật thuyết pháp, thì đều có thể thọ trì cho đến khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác trọn không quên mất.

Lại nữa, Ta dùng mắt Phật xem thấy Bồ-tát trong mười phương các cõi nước nhiều như cát sông Hằng, vì súc sinh nên xả bỏ đời sống kia, cắt xẻ thân thể, phân tán đi các phương. Có các chúng sinh ăn thịt các Bồ-tát ấy, đều ưa kính Bồ-tát. Vì tâm ưa kính ấy nên liền được lìa khỏi đường súc sinh, gặp chư Phật, nghe Phật thuyết pháp như thuyết tu hành, dần dần nhờ pháp ba thừa mà vào Vô dư Niết-bàn. Như vậy, các Bồ-tát làm lợi ích rất nhiều, giáo hóa chúng sinh khiến phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, như thuyết tu hành, cho đến khi vào Vô dư Niết-bàn.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ta dùng mắt Phật xem thấy Bồ-tát trong mười phương các cõi nước nhiều như cát sông Hằng, trừ cái khổ đói khát của nga quý, các nga quý ấy đều ái kính Bồ-tát. Do tâm ái kính nên được lìa khỏi đường nga quý, gặp chư Phật, nghe Phật thuyết pháp như thuyết tu hành, dần dần do pháp ba thừa mà vào Vô dư Niết-bàn. Như vậy, Bồ-tát vì độ chúng sinh mà hành tâm đại bi.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ta dùng mắt Phật thấy Bồ-tát ở trên cõi trời Tứ thiên vương thuyết pháp; ở trên cõi trời Ba mươi ba, cõi trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại thuyết pháp. Các trời nghe Bồ-tát thuyết pháp, dần dần nhờ pháp ba thừa mà được diệt độ. Trong chúng chư Thiên ấy, có người tham trước năm dục, thì Bồ-tát ấy thị hiện lửa cháy đốt cung điện họ mà vì họ thuyết pháp, nói rằng: Nay chư Thiên! Hết thấy pháp hữu vi đều vô thường, đâu được an ổn!

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ta dùng mắt Phật xem thấy Bồ-tát trong mười phương các cõi nước, thấy các Phạm thiên ở trong các cõi nước nhiều như cát sông Hằng tham trước tà kiến. Các Bồ-tát dạy khiến xa lìa tà kiến, nói rằng: Các ông làm sao ở trong các pháp tướng không, hư vọng mà sinh tâm tà kiến? Như vậy, Bồ-tát trú trong tâm đại từ vì chúng sinh mà thuyết pháp. Đó là pháp hiếm có khó bì kịp của các Bồ-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ta dùng mắt Phật xem thấy các Bồ-tát trong mười phương các cõi nước nhiều như cát sông Hằng, lấy bốn việc nhiếp thủ chúng sinh. Bốn việc là bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự.

Bồ-tát lấy việc bố thí nhiếp thủ chúng sinh như thế nào? Nay Tu-bồ-đề! Bồ-tát do hai cách bố thí nhiếp thủ chúng sinh, là tài thí và pháp thí. Tài thí nhiếp thủ chúng sinh là thế nào? Đó là Bồ-tát lấy vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, trân châu, mã não, san hô, các vật báu; hoặc đồ ăn uống, y phục, đồ nằm, phòng xá, đèn đuốc, hoa hương, anh lạc, hoặc trai, hoặc gái, hoặc trâu dê, voi ngựa, xe cộ, hoặc thân mình cấp thí cho chúng

sinh, nói với chúng sinh rằng: Các người nếu có cần gì hãy đến lấy như lấy vật của mình, đừng nghi ngại, khó khăn. Bồ-tát thí rồi, dạy ba Quy y là quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Hoặc dạy thọ năm giới; hoặc dạy thọ giới trong một ngày; hoặc dạy các thiền định, Sơ thiền cho đến Phi-hữu-tướng Phi-vô-tướng xứ định; hoặc dạy từ, bi, hỉ, xả; hoặc dạy niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm xả, niệm thiên; hoặc dạy quán bất tịnh, quán hơi thở ra vào, hoặc tưởng, hoặc xúc; hoặc dạy bốn niệm xứ cho đến tám phần thánh đạo; hoặc dạy tam-muội Không, Vô tướng, Vô tác, tám bội xả, cho đến mười tám pháp không chung, hoặc dạy đại từ đại bi, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình; hoặc dạy quả Tu-đà-hoàn cho đến đạo Bích-chi Phật Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như vậy, Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật, do sức phương tiện dạy chúng sinh tài thí rồi, lại dạy khiến được Niết-bàn vô thượng an ổn. Nay Tu-bồ-đề! Ấy gọi là pháp hiếm có khó bì kịp của Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát dùng pháp thí nhiếp thủ chúng sinh là thế nào? Nay Tu-bồ-đề! Pháp thí có hai là thế gian và xuất thế gian. Pháp thí thế gian là thế nào? Đó là diễn giải, chỉ bày pháp thế gian, như quán bất tịnh, quán hơi thở ra vào, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc. Pháp thế gian như vậy là pháp tu chung với phàm phu; ấy gọi là pháp thí theo thế gian. Bồ-tát pháp thí theo thế gian như vậy rồi, dùng mỗi mỗi nhân duyên giáo hóa, khiến xa lìa pháp thế gian. Xa lìa pháp thế gian rồi, dùng sức phương tiện khiến được thánh pháp vô lậu và thánh quả vô lậu. Thế nào là thánh pháp và thánh quả vô lậu? Thánh pháp vô lậu là ba mươi bảy pháp trợ đạo, ba môn giải thoát. Thánh quả vô lậu là quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật và Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Thánh pháp vô lậu của Bồ-tát là trí tuệ đối với quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán; trí tuệ đối với đạo Bích-chi Phật; trí tuệ đối với ba mươi bảy pháp trợ đạo, sáu Ba-la-mật cho đến đại từ đại bi; trí tuệ hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, hoặc hữu vi, hoặc vô vi. Đối với các pháp như vậy là trí Nhất thiết chủng, ấy gọi là thánh pháp vô lậu của Bồ-tát.

Thế nào là thánh quả vô lậu? Đó là dứt hết thủy phiền não và tập khí, gọi là thánh quả vô lậu.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát được trí Nhất thiết chủng chăng?

Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy! Bồ-tát được trí Nhất thiết chủng.

Tu-bồ-đề thưa: Bồ-tát với Phật có gì sai khác?

Phật dạy: Có khác. Bồ-tát được trí Nhất thiết chủng gọi là Phật. Vì sao? Vì tâm Bồ-tát với tâm Phật không có sai khác. Bồ-tát trú trong trí Nhất thiết chủng đối với hết thảy pháp không có điều gì không hiểu rõ; ấy gọi là Bồ-tát pháp thí theo thế gian. Bồ-tát nhân pháp thí theo thế gian mà đầy đủ pháp thí theo xuất thế gian. Như vậy, Bồ-tát dạy chúng sinh, khiến được pháp thế gian, do sức phương tiện dạy khiến được pháp xuất thế gian.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là pháp xuất thế gian? Đó là pháp không chung cùng với pháp phàm phu, như bốn niệm xứ, bốn chánh cần, cho đến tám phần thánh đạo; ba môn giải thoát, tám bội xả, cho đến mười tám pháp không chung, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình, năm trăm môn Đà-la-ni; ấy gọi là pháp xuất thế gian.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là Bốn niệm xứ? Bồ-tát quán nội thân trên thân, quán ngoại thân trên thân, quán nội ngoại thân trên thân, siêng tinh tấn nhất tâm trí tuệ quán thân, quán nhân duyên tập khởi của thân, quán sự hoại diệt của thân, quán sự tập khởi của sanh diệt. Hành đạo ấy không nương tựa gì, đối với thế gian không có ái nhiễm; quán thọ, tâm, pháp, niệm xứ cũng như vậy.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là Bốn chánh cần? Đó là đối với pháp ác bất thiện chưa sinh, vì làm cho đừng sinh nên siêng sinh tâm tinh tấn. Đối với pháp ác bất thiện đã sinh, vì làm cho đoạn dứt nên siêng sinh tâm tinh tấn. Đối với thiện pháp chưa sinh, vì làm cho phát sinh nên siêng sinh tâm tinh tấn. Đối với thiện pháp đã sinh, vì làm cho tăng trưởng đầy đủ nên siêng tâm tinh tấn; ấy gọi là bốn chánh cần.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là Bốn như ý túc? Đó là tu dục tam-muội, đoạn phiền não thành tựu, là như ý túc đầu; tu tinh tấn tam-muội, tâm tam-muội, tư duy tam-muội, đoạn phiền não thành tựu, là như ý túc thứ hai, ba, tư.

Thế nào là Năm căn? Đó là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn và huệ căn.

Thế nào là Năm lực? Đó là tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực và huệ lực.

Thế nào là Bảy giác phần? Đó là niệm giác phần, trạch pháp giác phần, tinh tấn giác phần, hỷ giác phần, trừ giác phần (tức khinh an giác phần - ND), định giác phần và xả giác phần.

Thế nào là Tám phần thánh đạo? Đó là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định.

Thế nào là Ba môn tam-muội? Đó là môn tam-muội Không, môn tam-muội Vô tướng, Vô tác.

Thế nào là tam-muội Không? Lấy hạnh Không, vô ngã để nhiếp tâm, ấy gọi là tam-muội Không.

Thế nào là tam-muội Vô tướng? Lấy hạnh tịch diệt, hạnh viễn ly nhiếp tâm, ấy là Vô tướng tam-muội.

Thế nào là Vô tác tam-muội? Lấy hạnh vô thường, hạnh khổ nhiếp tâm, ấy là Vô tác tam-muội.

Thế nào là Tám bội xả? Bên trong có sắc tướng bên ngoài quán sắc, là bội xả đầu; bên trong không có sắc tướng bên ngoài quán sắc là bội xả hai; tịnh bội xả, là bội xả ba; vượt qua hết thấy sắc tướng, diệt tướng hữu đối, không nghĩ đến hết thấy tướng sai khác, quán hư không vô biên, vào vô biên không xứ cho đến vượt qua hết thấy Phi-hữu-tướng Phi-vô-tướng xứ vào diệt thọ tướng bội xả; ấy gọi là tám bội xả.

Thế nào là Định chín thứ lớp? Đó là hành giả lìa dục, lìa pháp ác bất thiện, có giác có quán, lìa dục sinh hỷ lạc vào Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, cho đến vượt qua Phi-hữu-tướng Phi-vô-tướng xứ, vào định Diệt thọ tướng; ấy gọi là định chín thứ lớp.

Thế nào là Mười lực của Phật? Đó là trí biết như thật: phải đạo lý, không phải đạo lý; trí biết các nghiệp, các pháp thọ báo; biết chỗ tạo nghiệp; biết nhân duyên; biết quả báo của chúng sinh quá khứ, vị lai, hiện tại; trí biết như thật các thiên định, giải thoát, tam-muội định, phân biệt tướng như, sạch; biết các căn cao thấp sai khác của chúng sinh; biết các tính dục, kiến giải sai khác của chúng sinh; biết các tính của thế gian; biết chỗ đi đến của hết thấy; biết đời trước từ một đời cho đến vô lượng kiếp; biết như thật thiên nhãn thấy chúng sinh, sinh đường lành, đường dữ; như thật biết lậu hoặc đã hết nên được tâm vô lậu giải thoát; ấy là mười lực của Phật.

Thế nào là bốn điều không sợ? Đó là Phật nói lời thành thật rằng: Ta là bậc Nhất thiết trí. Hoặc có Sa môn, Bà-la-môn, trời, ma, Phạm và chúng sinh khác nói rằng: Pháp ấy Ta không biết, thì Ta cũng không thấy có chút mảy may sợ hãi. Vì thế Ta được an ổn, được điều không sợ, an trú chỗ thánh chúa, ở giữa đại chúng cất tiếng rống sư tử, chuyển bánh xe pháp mà các Sa môn, Bà-la-môn, hoặc trời, ma, Phạm, hoặc các chúng sinh khác thật không thể chuyển được; đó là điều không sợ thứ nhất.

Phật nói lời thành thật rằng: Ta sạch hết các lậu hoặc, nếu có Sa môn, Bà-la-môn, hoặc trời, ma, Phạm và các chúng sinh khác nói rằng:

Hành đạo ấy không thể đưa ra khỏi thế gian, không thể hết khổ, thì Ta cũng không thấy có chút mảy may sợ hãi. Vì thế Ta được an ổn, được điều không sợ, an trú chỗ thánh chúa, ở giữa đại chúng cất tiếng rống sư tử, chuyển bánh xe pháp, các Sa môn, Bà-la-môn, hoặc trời, ma, phạm, hoặc các chúng sinh khác thật không thể chuyển được; đó là điều không sợ thứ tư.

Thế nào là bốn trí không ngại? Đó là: 1. Trí biết nghĩa, thông suốt không ngại; 2. Trí biết pháp, thông suốt không ngại; 3. Trí biết từ ngữ, thông suốt không ngại; 4. Trí biết vui nói, thông suốt không ngại.

Thế nào là trí biết nghĩa thông suốt không ngại? Đó là trí biết duyên theo nghĩa lý; ấy là Trí biết nghĩa thông suốt không ngại.

Thế nào là trí biết pháp, thông suốt không ngại? Là trí tuệ duyên theo giáo pháp, là Trí biết pháp thông suốt không ngại.

Thế nào là trí biết từ ngữ, thông suốt không ngại? Là trí duyên theo từ ngữ, là Trí biết từ ngữ thông suốt không ngại.

Thế nào là trí biết vui nói, thông suốt không ngại? Là trí tuệ duyên theo sự vui nói, ấy là Trí biết vui nói thông suốt không ngại.

Thế nào là mười tám pháp không chung?

1. Thân Phật không có lỗi
2. Miệng Phật không lỗi
3. Tâm niệm Phật không lỗi
4. Phật không có dị tưởng
5. Phật không có tâm bất định
6. Phật không có tâm không biết mà xả bỏ
7. Sự ham muốn không giảm sút
8. Tinh tấn không giảm sút
9. Niệm không giảm sút
10. Tuệ không giảm sút
11. Giải thoát không giảm sút
12. Giải thoát tri kiến không giảm sút
13. Hết thấy thân nghiệp hành theo trí tuệ
14. Hết thấy khẩu nghiệp hành theo trí tuệ
15. Hết thấy ý nghiệp hành theo trí tuệ
16. Trí tuệ biết đời quá khứ không ngại
17. Trí tuệ biết đời vị lai không ngại
18. Trí tuệ biết đời hiện tại không ngại.

Thế nào là ba mươi hai tướng?

1. Lòng bàn chân bằng phẳng

2. Lòng bàn chân có tướng bánh xe đủ ngàn tăm
3. Ngón tay thon dài
4. Gót chân rộng và bằng
5. Ngón tay, ngón chân có lưới lụa xòe như cửa chim nhọn
6. Tay chân mềm mại
7. Mu bàn chân cao và đầy
8. Bắp đùi như nai chúa Y nê diên
9. Khi đứng thẳng, ngón tay sờ đến đầu gối
10. Tướng âm tàng như trâu chúa
11. Thân cao và rộng cân đối như cây Ni câu loại
12. Lông trên thân mọc xoay hướng lên
13. Mỗi lỗ chân lông có một sợi lông
14. Thân sắc vàng như màu hoàng kim
15. Có ánh sáng một trượng
16. Da mỏng, mịn
17. Bảy chỗ trên thân đều đặn
18. Dưới hai nách đầy đặn
19. Phần thân trên như Sư tử
20. Thân to lớn và thẳng
21. Vai tròn và đẹp
22. Có bốn mươi cái răng
23. Răng đều đặn
24. Răng trắng trong
25. Hai má như Sư tử
26. Được thượng vị trong các vị
27. Lưỡi rộng, dài
28. Có âm thanh như cửa Trời Phạm thiên
29. Mắt xanh biếc
30. Lông mi như trâu chúa
31. Nhục kế ở trên đầu
32. Tướng lông trắng giữa hai chân mày.

Thân Phật thành tựu ba mươi hai tướng, phóng hào quang chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới, nếu muốn chiếu rộng thì khắp mười phương vô lượng vô số thế giới, vì chúng sinh nên thọ nhận hào quang một trượng ấy. Nếu phóng vô lượng ánh sáng thì không có số ngày tháng, thời tiết, năm. Âm thanh của Phật biến khắp ba ngàn đại thiên thế giới, nếu muốn âm thanh lớn thì biến khắp mười phương vô lượng vô số thế giới, tùy theo chúng sinh nhiều ít mà âm thanh đến khắp.

LUẬN: Hỏi: Từ trước lại đây, nơi nơi đều nói các pháp tính Không, làm sao phân biệt thế nào là có thiện, bất thiện; từ sau đó trở đi, trong mỗi phẩm nói nghĩa không khác, cứ gì Tu-bồ-đề cứ mỗi mỗi hỏi lại?

Đáp: Việc ấy trên đã đáp rồi. Lại nữa, chúng sinh từ vô thủy sinh tử lại đây vì tâm nhiễm trước sâu nặng, khó hiểu nên Tu-bồ-đề cứ hỏi lại. Lại nữa, Bát-nhã Ba-la-mật muốn nói yếu nghĩa của tính Không ấy nên thường hỏi. Lại nữa, khi Phật ở đời, chúng sinh lợi căn dễ ngộ; sau Phật diệt độ khoảng năm trăm năm, chúng sinh trong đời Tượng pháp ưa đắm Phật pháp, rơi vào chỗ đắm pháp, hoặc nói các pháp đều Không, như mộng, như huyễn, cứ gì lại có thiện, bất thiện? Vì thế nên Tu-bồ-đề thương xót chúng sinh vị lai độn căn không hiểu, nên hỏi lại rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu các pháp đều Không, cứ sao phân biệt có thiện, bất thiện? Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Vì tâm phàm phu điên đảo, đối với các pháp đều khởi lên dị kiến điên đảo, cho đến không thấy một pháp nào thật. Phàm phu đối với mộng thì đắm mộng, đối với người nằm mộng thì đắm việc người thấy mộng, cũng đắm việc trông thấy trong mộng. Hạng người ấy nếu không tin tội phước thì khởi lên ba nghiệp bất thiện, nếu tin tội phước thì khởi lên ba nghiệp thiện.

Nghiệp thiện, bất thiện, bất động. Nghiệp thiện là nghiệp ở trong cõi Dục, có quả báo vui thích; nghiệp bất thiện là nghiệp có quả báo ưu cầu, khổ não; nghiệp bất động là nghiệp có quả báo sinh vào cõi Sắc, cõi Vô sắc. Bồ-tát biết ba thứ nghiệp ấy đều là hư dối, không thật; ở trong hai Không, vì chúng sinh thuyết pháp, lấy rốt ráo không, phá chấp pháp; lấy vô thủy không, phá chấp tướng chúng sinh. Ở vào trung đạo vì chúng sinh thuyết pháp, đó là năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới đều là Không, như mộng, như huyễn cho đến như hóa, ở trong ấy không có mộng cũng không có người thấy mộng. Bồ-tát nói với chúng sinh rằng: Các người đối với pháp Không, vì tâm điên đảo nên sinh chấp trước. Bồ-tát do sức phương tiện nên từ trong điên đảo kéo chúng sinh ra khỏi; thí như xan tham là điên đảo, lấy bố thí phá xan tham mà chúng sinh lại đắm theo bố thí ấy nên lại nói quả báo bố thí vô thường, không thật, từ bố thí kéo chúng sinh ra khỏi khiến trừ giới. Từ trong trì giới và quả báo trì giới, kéo chúng sinh ra khỏi, nói với chúng sinh rằng: Phước cõi trời hưởng hết thì vô thường khổ não, kéo chúng sinh ra khỏi, trì giới khiến lìa dục, tu thiền định; lại nói thiền định và quả báo thiền định hư dối không thật, hay làm cho chúng sinh đọa vào điên đảo. Dùng mỗi mỗi nhân duyên nói tội lỗi vô thường của việc bố thí, trì giới, thiền định để khiến chúng sinh an trú Niết-bàn. Phương tiện được Niết-bàn là bốn

niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung. Nếu bố thí, trì giới, thiền định là pháp thật, thì không nên dạy khiến xa lìa; như lấy bố thí, trì giới... phá pháp phàm phu, ấy là nhân duyên đảo phát sinh, tuy lợi ích chúng sinh thời gian ngắn, nhưng lâu dài thì biến khác, sinh ra khổ não, nên cũng dạy khiến lìa bỏ. Bồ-tát dùng sức phước thiện, trước dạy chúng sinh bỏ tội, tán thán phước đức bố thí, trì giới, tiếp đến nói việc bố thí, trì giới; cũng chưa thoát khỏi khổ não vô thường, nên lại nói các pháp Không, chỉ xưng tán thật pháp, đó là Vô dư Niết-bàn. Khi ấy Tu-bồ-đề hoan hỉ cho là rất hy hữu. Bồ-tát có thể biết thật tướng các pháp như vậy. Nghĩa là biết rất rõ không, mà vì chúng sinh thuyết pháp, khiến đạt đến Vô dư Niết-bàn. Phật dạy đó là một việc hy hữu. Hỏi lại là muốn biết pháp hy hữu của Bồ-tát. Hết thấy Thanh-văn, Bích-chi Phật không thể đáp pháp hy hữu của Bồ-tát ấy, huống gì là người khác!

Tu-bồ-đề hỏi: Thế nào là lại có pháp hy hữu? Phật đáp như trong Kinh đây nói.

Hỏi: Trong kinh này trước dạy khiến bố thí, trì giới, thiền định, nay lại nói lại, có gì sai khác?

Đáp: Trước nói về sinh thân Bồ-tát, nay nói về hóa thân; trước nói về một cõi nước, nay nói về vô lượng thế giới, có các sai khác như vậy.

Hỏi: Nếu Bồ-tát biết Phật là phước điền, chúng sinh chẳng phải phước điền, ấy là chẳng phải pháp Bồ-tát, vậy Bồ-tát dùng sức gì có thể làm cho Phật với sức sinh bình đẳng?

Đáp: Bồ-tát dùng sức Bát-nhã, đối với hết thấy pháp tu tâm rất rõ không; thế nên đối với hết thấy pháp không hề có phân biệt. Như sức sinh do năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới hòa hợp sinh, gọi là sức sinh. Phật cũng như vậy, do các pháp lành hòa hợp, giả gọi là Phật. Nếu người thương xót chúng sinh được vô lượng phước đức thì đối với Phật sinh tâm chấp trước, khởi lên các ác sẽ mắc vô lượng tội. Thế nên biết vì hết thấy pháp rất rõ Không cho nên không khinh chúng sinh, không tâm ái trước, quý trọng Phật.

Lại nữa, thật tướng các pháp là vô tướng, trong vô tướng ấy không phân biệt là Phật, là chúng sinh; nếu phân biệt tức là chấp thủ tướng, thế nên xem bình đẳng.

Lại nữa, Bồ-tát có hai pháp môn: Một là pháp môn rất rõ không, hai là pháp môn phân biệt tốt xấu. Vào pháp môn không thì được quán bình đẳng; vào pháp môn phân biệt thì các A-la-hán, Bích-chi Phật còn không bằng Phật, huống gì sức sinh! Vì người kia khinh chúng sinh, không thương xót bố thí, nên dạy khiến không phân biệt.

Hỏi: Thân Bồ-tát chẳng phải cây, đá, cơ sao chúng sinh đến cắt xẻ mà không sinh tâm khác?

Đáp: Có người nói: Bồ-tát lâu ngày tu nhẫn Ba-la-mật cho nên có thể không sầu não; như tiên nhân nhân nhục, bị người cắt tay chân mà huyết đều biến làm sữa. Có người nói: Bồ-tát từ vô lượng kiếp lại đây tu sâu tâm đại từ bi, nên tuy có bị cắt xẻ mà cũng không ưu sầu, thí như cây cỏ không có tâm giận. Có người nói: Bồ-tát tu sâu Bát-nhã Ba-la-mật, chuyển đổi thân được quả báo Bát-nhã tâm không, nên không biết rõ ràng. Khi bị cắt thân thể tâm cũng bất động, như vật bên ngoài bất động, bên trong cũng như vậy, vì được quả báo Bát-nhã nên đối với các pháp không hề phân biệt gì. Có người nói: Thân Bồ-tát ấy không phải ở trong vòng sinh tử, mà là pháp tính sinh thân ngoài ba cõi, trú trong quả báo thánh tâm vô lậu, nên thân như cây đá mà có thể thương kẻ đến cắt xẻ. Bồ-tát ấy sinh tâm được như vậy nên khi bị cắt xẻ, cướp giựt vật bên trong, bên ngoài, tâm vẫn không lay động; ấy là pháp hy hữu của Bồ-tát.

Lại nữa, pháp hy hữu là như trong Kinh đây nói: Ta dùng mắt Phật xem thấy Bồ-tát trong mười phương thế giới nhiều như cát sông Hằng vào trong địa ngục làm lửa tắt, nước sôi nguội; lấy ba việc giáo hóa chúng sinh như trong Kinh này nói.

Hỏi: Nếu như vậy, không nên có ba đường ác?

Đáp: Chúng sinh trong ba đường ác vô biên vô lượng, Bồ-tát tuy vô lượng vô biên mà số chúng sinh nhiều gấp vô lượng. Bồ-tát tùy theo chúng sinh có nhân duyên có thể độ, nếu ở trong ba đường ác mà có các công đức thì Bồ-tát độ, còn kẻ tội trọng thì không thấy Bồ-tát. Trong tâm Bồ-tát chỉ là một tướng, không có phân biệt, nên không mỗi mỗi tìm kiếm chúng sinh. Thí như việc đại xá, kẻ tội gần mãn hạn thì được ra khỏi, kẻ không gần mãn hạn thì không mong ra.

Hỏi: Nếu chúng sinh cắt xẻ Bồ-tát, hoặc ăn thịt Bồ-tát, thì phải có tội, làm sao được độ?

Đáp: Bồ-tát có bản nguyện: Nếu có chúng sinh ăn thịt Ta, Ta sẽ làm cho được độ, như trong Kinh đây nói: Chúng sinh ăn thịt Bồ-tát thì sinh lòng từ; thí như có sắc, thanh, hương, vị, xúc, có người nghe thấy thì mừng, lại có người nghe thấy thì nổi giận, mùi vị cũng như vậy, có người nổi giận, có người sinh lòng từ. Như trong kinh Tỳ-ma-la-cật nói: Ăn cơm cõi Hương Tích mà có người bảy ngày được đạo, có người không được. Chẳng phải vì ăn thịt nên được độ, mà vì khởi phát lòng từ nên được ra khỏi súc sinh, mà sinh vào thiện xứ, gặp Phật, được độ. Có

Bồ-tát trải qua vô lượng vô số kiếp hành sâu lòng từ, lấy vật bên ngoài cấp thí cho chúng sinh, ý chưa thỏa mãn, lại tự đem thân bố thí mới làm đầy đủ. Như trong kinh Pháp Hoa, Bồ-tát Dược Vương lấy vật châu báu bên ngoài cúng dường Phật, ý chưa thỏa mãn, lại lấy thân làm đèn cúng dường Phật, bấy giờ mới thỏa mãn.

Lại nữa, người có được vật bên ngoài tuy nhiều mà không cho là có ơn. Vì sao? Vì không phải là vật quý trọng đáng ưa. Khi được thân thể kia mới cảm kích, kính trọng; thế nên lấy thân bố thí. Bồ-tát lại vì hàng chư Thiên thuyết pháp như trong Kinh đây nói rộng.

Lấy bốn việc nhiếp thủ chúng sinh là bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự. Bố thí có hai như trong Kinh đây nói rộng.

Hỏi: Có gì lược nói bốn đạo khác, mà nói rộng việc của nhân đạo?

Đáp: Trong ba ác đạo, vì khổ nhiều nên chúng sinh ít nghi; nếu thấy việc thần thông hy hữu của Bồ-tát thì tin liền, ưa đắm, nên được độ. Chư thiên vì có mắt trời, tự thấy nhân duyên quả báo tội phước, Bồ-tát hiện chút ít thần túc thì liền hiểu. Người vì mắt thịt, không thấy quả báo tội phước, lại phần nhiều đắm theo thầy tà ngoại đạo và kinh sách tà kiến. Các phiến não có hai phần: một là thuộc kiến, hai là thuộc ái. Nếu chỉ có một phần thì không thể thành tội lớn. Người có ba độc, lại có sức tà kiến thì có thể làm đủ việc ác nặng; người tà kiến lại có tham dục, sân giận thì có thể làm việc tội nặng. Như Tu-đà-hoàn tuy còn có ba độc, song vì không có tà kiến nên không gây tội nặng, rơi vào ba đường ác. Thế nên trong loài người, nhiều người có ba độc tà kiến, mắt không thấy nhân duyên tội phước cho nên khó độ, vì khó độ nên Phật nói nhiều.

Hỏi: Nếu như vậy, thì đối với bốn việc, có gì nói nhiều về bố thí nói ít về ba việc kia?

Đáp: Trong bố thí nhiếp đủ ba việc nên lấy tài thí, pháp thí giáo hóa chúng sinh thì không việc gì không nhiếp. Lại nữa, trong bốn việc trước tiên, mở rộng bố thí thì biết ba việc khác cũng như vậy.

Hỏi: Nếu như vậy, có gì nói lược về bố thí mà nói rộng về pháp thí?

Đáp: Tài thí ít, pháp thí rộng rãi. Vì có sao? Vì tài thí được quả báo có hạn lượng, pháp thí được quả báo không có hạn lượng. Tài thí ràng buộc vào cõi Dục, thọ quả báo ở cõi Dục; pháp thí cũng ràng buộc và thọ quả báo trong ba cõi và cũng là quả báo ra ngoài ba cõi. Tài thí hay cho cái vui giàu sang trong ba cõi, pháp thí hay cho cái vui thường hằng của Niết-bàn.

Lại, tài thí từ pháp thí sinh. Nhờ nghe pháp mà làm bố thí. Lại nữa,

quả báo của tài thí chỉ được giàu vui không có các thứ khác; quả báo của pháp thí cũng có giàu vui, cũng có các thứ khác, cho đến được quả báo Phật đạo, Niết-bàn. Do nhân duyên ấy nên nói nhiều về pháp thí.

Hỏi: Trong kinh này có gì Tu-bồ-đề hỏi: Bồ-tát được trí Nhất thiết chủng chủng?

Đáp: Ý Tu-bồ-đề là: Nếu khi Bồ-tát được trí Nhất thiết chủng thì không còn gọi là Bồ-tát, làm sao chưa được thành Phật mà có thể được trí Nhất thiết chủng? Được trí Nhất thiết chủng mới gọi là Phật; nếu trước đã là Phật thì cần gì đến trí Nhất thiết chủng? Phật đáp: Nay được trí Nhất thiết chủng gọi là Bồ-tát; đã được trí Nhất thiết chủng thì gọi là Phật. Nói một cách chân thật: Bồ-tát không được, Phật cũng không được. Vì sao? Vì Bồ-tát thì chưa được còn Phật đã được rồi không còn được lại! Theo pháp thế tục nên nói Bồ-tát nay được, Phật đã được rồi; theo đệ nhất nghĩa thì không có hết thấy pháp, huống gì có Phật và Bồ-tát! Lại trong Kinh đây nói: Tâm Phật không khác Bồ-tát, Bồ-tát không khác tâm Phật; thứ lớp nối nhau không dứt. Lại hai tâm đều Như, vì không có khác, không có phân biệt.

Hỏi: Định chín thứ lớp, ba mươi hai tướng, tam mươi vẻ đẹp tùy hình là pháp thế gian chung có, có gì gọi là pháp không chung của xuất thế gian?

Đáp: Bốn thiên, bốn định vô sắc, định diệt thọ tưởng gọi là định chín thứ lớp. Đối với định diệt thọ tưởng chỉ Thánh nhân có được, còn bốn thiên, bốn định vô sắc từ Sơ thiên khởi lên không xen lẫn tâm khác mà vào Nhị thiên, từ Nhị thiên cho đến vào Diệt tận định, trong mỗi mỗi niệm thọ nhận không xen tâm khác nên gọi là thứ lớp. Phạm phu là người tội, độn căn, làm sao có thể được ba mươi hai tướng? Như Chuyển luân Thánh vương, Đề-bà-đạt-đa, Nan-đà được tướng ấy, tên gọi tuy đồng mà về đầy đủ uy đức, trong sạch đúng chỗ thì không đồng với Phật. Như trước đã phân biệt tướng của Chuyển luân Thánh vương và tướng của Phật khác nhau. Lại, tướng ấy là quả báo của thánh pháp vô lậu, quả tự tại theo ý, vô lượng vô biên, còn tướng của Chuyển luân Thánh vương là do nghiệp phước đức, không được tự tại, có hạn có lượng.

Lại nữa, Đề-bà-đạt-đa, Nan-đà chỉ có ba mươi tướng, không phải có ba mươi hai tướng; Chuyển luân Thánh vương tuy có ba mươi hai tướng mà không có uy đức, không đầy đủ, không đúng chỗ, đi kèm với tham ái, phiền não v.v... Tám mươi vẻ đẹp tùy hình đầy đủ chỉ Phật và Bồ-tát có được, những người khác có thể có số ít, hoặc ngón tay thon dài, hoặc bụng nhỏ mà không có uy đức tốt đẹp nên không nói đến. Thế nên

nói, pháp xuất thế gian không chung với phàm phu, không có lỗi.

Hỏi: Từ trước lại đây nơi nơi đều nói về các pháp năm uẩn cho đến trí Nhất thiết chủng mà không nói ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình ấy, nay Kinh này sắp hết, cứ gì trong mỗi phẩm lại nói?

Đáp: Phật có hai thân là sinh thân và pháp thân; trong hai thân ấy, pháp thân là lớn. Pháp thân lớn nên sự lợi ích nhiều, như từ trước lại đã nói rộng. Nay gần hết kinh, về nghĩa sinh thân cần nên nói, cho nên nay nói.

Lại nữa, sinh thân tướng đẹp trang nghiêm là quả báo của thánh pháp vô lậu, nay thứ lớp nói, còn trên kia nói xen lẫn với các Ba-la-mật. Nghĩa của bốn niệm xứ v.v... như trước nói. Nghĩa của mười lực của Phật là sâu xa, nay sẽ lược nói.

Hỏi: Mười lực của Phật là, nếu theo tướng chung mà nói thì chỉ là một lực, đó là lực của trí Nhất thiết chủng; nếu theo tướng riêng mà nói thì có ngàn, vạn, ức lực, theo mỗi pháp để gọi tên; nay cứ gì chỉ nói mười lực?

Đáp: Phật thật có vô lượng trí lực, song chỉ vì chúng sinh không thể có được, không thể hành được, nên không nói. Mười lực ấy đối với chúng sinh có thể độ vừa đủ dùng để độ. Vì sao? Vì Phật dùng trí lực thị xứ, phi xứ quyết định biết lẽ nhân quả trong hết thủy pháp. Nghĩa là tạo nghiệp ác thì đọa vào đường ác, là có lẽ ấy (thị xứ), tạo nghiệp ác mà sinh lên cõi trời là không có lẽ ấy (phi xứ); làm nghiệp thiện cũng như vậy. Không lìa năm triền cái, không tu bảy giác chi mà được đạo, thì không có lẽ ấy (phi xứ); lìa năm triền cái, tu bảy giác chi mà được đạo, có lẽ ấy (thị xứ). Chín trí lực kia đều vào trong trí lực này. Phật dùng trí lực này trừ lượng chúng sinh trong mười phương sáu đường, kẻ có thể độ, kẻ không thể độ; kẻ có thể độ thì dùng mỗi mỗi nhân duyên thân thông biến hóa để độ thoát; kẻ không thể độ thì đối với người ấy tu tâm xả. Thí như thầy thuốc hay xem tướng trạng của bệnh mà thẩm định biết có thể sống thì chữa trị, không thể sống thì rời bỏ. Phương tiện độ chúng sinh của nghiệp lực kia, người do nghiệp mà thọ thân, bị ràng buộc trong thế gian, do lực thiên định nên được giải thoát. Hành giả tất phải tìm hiểu khổ từ đâu sinh, do đâu diệt, thế nên dùng hai lực. Nghiệp lực có hai phần: Một là nghiệp sạch có thể dứt nghiệp ác, hai là nghiệp nhơ. Nghiệp sạch là thiên, định, giải thoát, các tam-muội; nghiệp không sạch là nghiệp làm cho thọ thân trong ba cõi. Người có hai hạng: Hạng độn căn vì thọ thân nên tạo nghiệp, hạng lợi căn vì diệt thân nên tạo nghiệp.

Hỏi: Nếu như vậy, cứ gì không đều dạy khiến làm nghiệp sạch?

Đáp: Vì chúng sinh căn có lợi, độn.

Hỏi: Chúng sinh vì sao có lợi, độn.

Đáp: Vì lực mạnh của dục, chúng sinh có tâm ác dục, thường vào chỗ ác, nên độn. Dục là tham muốn. Tham muốn việc tội sinh nghiệp ác, nên độn. Người ham muốn thiện thì vui đạo, tu các pháp trợ đạo nên lợi.

Hỏi: Chúng sinh vì sao không đều ham muốn thiện.

Đáp: Vì thế mà Phật nói thế gian có mỗi mỗi tính: Tính thiện, tính ác... Người tính ác ham muốn điều ác, ham muốn ác nên căn độn; như tính lửa nóng, tính nước ướt, không nên trách vì sao.

Hỏi: Ham muốn ác tức là tính ác, có gì sai khác mà làm thành hai lực?

Đáp: Có tính trước, vì muốn được nên phát sinh; thí như trước có ghê, vì chạm đến nên ra máu. Tính ở trong, ham muốn ở ngoài; tính nặng, ham muốn nhẹ; tính khó trừ, ham muốn dễ bỏ; tính sâu, ham muốn cạn. Dùng tính tạo nghiệp chắc sẽ thọ báo, dùng ham muốn tạo nghiệp không chắc thọ báo; có sai khác như vậy.

Lại, có người nói: Tập thường ham muốn tăng trưởng bèn thành tính. Tính cũng có thể phát sinh ham muốn. Người ấy nếu đời này hoặc đời sau thường tập ham muốn thì trở thành tính. Từ tính ấy mà làm ác, làm thiện; nếu ở tính thiện thì có thể độ, nếu ở tính ác thì không thể độ. Phật đã biết hai tính của chúng sinh rồi, lại biết quả báo kia theo đường thiện, đường ác khác nhau. Tính ác thì đọa vào ba đường ác, tính thiện thì thành bốn đường: Người, trời, A-tu-la và Niết-bàn.

Hỏi: Trí lực biết chỗ đến của hết thảy với lực thiên nhãn, có gì sai khác?

Đáp: Lực thiên nhãn chỉ thấy được khi sinh, khi chết, còn đây là biết được khi chưa chết. Thiên nhãn thấy nhân biết quả, còn đây thấy quả báo tội phước hiện tiền, đó là trí lực biết chỗ đến của hết thảy (chí xứ đạo lực).

Hỏi: Thanh-văn, Bích-chi Phật cũng được Niết-bàn, cũng có thể giáo hóa chúng sinh, cố sao không có lực ấy?

Đáp: Vì thế mà nói ba lực sau biết việc chúng sinh trong ba đời thông suốt cùng khắp. Dùng lực biết mạng sống đời trước, biết khắp việc gốc, ngọn quá khứ của hết thảy chúng sinh. Do lực thiên nhãn sinh tử, biết khắp vô lượng việc trong đời vị lai của chúng sinh. Biết như vậy rồi, biết chúng sinh trong hiện tại, người có thể độ thì vì họ nói pháp dứt hết lậu hoặc. Vì thế nên chỉ có Phật mới có lực ấy, hàng Nhị thừa không có.

Như có một người ngay trong một ngày có thể được A-la-hán mà Xá-lợi-phất nói trong một ngày không thể có nhân duyên được đạo, bèn bỏ đi mà không chịu độ. Lúc xế chiều, Phật dùng thần thông tức mạng, thấy người ấy trải qua hơn tám vạn kiếp trước, có nhân duyên được độ nay đã thành tựu, nên Phật thuyết pháp cho, liền được đạo quả A-la-hán.

Lại nữa, Phật dùng trí lực đầu, biết tướng chúng sinh có thể độ hay không thể độ. Dùng lực thứ hai, biết chúng sinh bị hai chướng ngăn che. Người không bị ngăn che thì dùng lực thứ ba, biết chúng sinh, người có thiên định, giải thoát, tịnh, bất tịnh. Dùng lực thứ tư, biết căn tính chúng sinh có lợi, có độn, có thể thông hiểu pháp tính, không thông hiểu pháp tính. Dùng lực thứ năm, biết nhân duyên căn lợi, độn và ham muốn thiện, ác của chúng sinh. Dùng lực thứ sáu, biết mỗi mỗi tính của hai dục. Dùng lực thứ bảy, biết căn lợi, độn và bảy chỗ quả báo thiện, ác của chúng sinh. Dùng lực thứ tám, biết nghiệp thiện, ác đời trước của chúng sinh chướng ngại hay không chướng ngại. Dùng lực thứ chín, biết chúng sinh đời nay chưa thể độ, sinh đời sau có thể độ. Dùng lực thứ mười biết chúng sinh do cửa giải thoát Không mà vào Niết-bàn, hoặc do cửa Vô tướng, Vô tác mà vào Niết-bàn, biết chúng sinh đối với kiến đế đạo, tư duy đạo trong mỗi niệm dứt được bao nhiêu kiết sử. Do mười trí lực ấy, trừ lượng nhân duyên của chúng sinh có thể độ mà vì họ thuyết pháp. Do thế mà thuyết pháp không uổng lời.

Hỏi: Trí tuệ của Phật vô lượng, thân tướng Phật cũng vô lượng. Lại thân Phật hơn các Thiên vương, cơ gì Phật đồng với Chuyển luân Thánh vương, có ba mươi hai tướng?

Đáp: Ba mươi hai tướng không nhiều không ít, nghĩa lý như trước đã nói. Lại nữa, có người nói: Tướng của Phật và Bồ-tát không hiện nhất định như trong đây nói. Tùy theo chỗ chúng sinh ưa thích có thể dẫn dắt tâm họ mà hiện tướng.

Lại, hoặc như có chúng sinh không quý vàng mà quý các sắc khác, như lưu ly, pha lê, kim cương. Nếu người thế gian như vậy thì Phật không hiện sắc vàng mà hiện các sắc đáng ưa khác.

Lại, hoặc có chúng sinh không quý ngón tay thon, dài và có màng lưới, vì ngón tay dài, có móng sắc là tướng quý La-sát; vì màng lưới là tướng chim Nhạn, làm việc không tiện, như mặc áo v.v., thì cần dùng làm gì? Hoặc như ở nước Kế-tân, Bồ-tát Di-đế-lệ-thi-lị tay có màng lưới, người cha ghét cho là quái dị, lấy dao cắt đi, nói rằng sao con ta giống như chim. Hoặc có người không ưa vai tròn lớn, cho là giống như bứu; hoặc cho bụng không hiện bày như tướng đối; hoặc cũng có người cho

mắt xanh là không đẹp, chỉ ưa mắt trắng, đen, phân minh v..v... Thế nên biết, Phật tùy chỗ ưa thích của chúng sinh mà hiện tướng. Như vậy, thường không do nhất định.

Có người nói: Ba mươi hai tướng ấy là thật có nhất định, do sức thần thông biến hóa thân, theo chỗ ưa thích của chúng sinh mà hiện tướng.

Có người nói: Phật có khi thần thông biến hóa, có khi theo chỗ sinh ở thế gian, sẽ sinh đến, không được nói do thần thông biến hóa.

Lại, trong ba ngàn đại thiên thế giới theo chỗ chúng sinh sinh mà hiện tướng, như trong kinh Mật Tích nói, hoặc hiện thân sắc vàng, hoặc hiện thân sắc bạc, hoặc hiện sắc mặt trắng, mặt trời, tinh tú; hoặc cao hoặc thấp, tùy theo chúng sinh có thể dắt dẫn mà hiện tướng. Ở đây, tùy theo người nước Thiên Trúc trong cõi Diêm-phù-đề ưa thích thì Phật hiện ba mươi hai tướng. Người nước Thiên Trúc đến nay cố sửa bấp vai cho dày, lớn, trên đầu đều có bện tóc cho là đẹp. Theo như tướng người nói, tướng năm chỗ dài là đẹp: Tướng mắt, mũi, lưỡi, cánh tay, ngón tay, đùi, tay, chân; hoặc có bánh xe, hoặc như hoa sen, hoặc màu trắng ốc, hoặc như mặt trời mặt trăng; thế nên bàn tay, bàn chân Phật có tướng bánh xe ngàn tám, ngón tay thon, dài; mũi cao, đẹp; lưỡi rộng, dài và mỏng. Những tướng như vậy đều hơn các tướng được quý như trước, nên khởi tâm cung kính. Có cõi nước Phật hiện ra ngàn vạn tướng, hoặc vô lượng vô số tướng, hoặc năm, sáu, ba, bốn tướng; ở đây vì theo chỗ ưa thích của người Thiên Trúc nên Phật hiện ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình.